ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN TỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Phòng, chống hạn hán thiếu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh năm 2026 trên địa bàn xã Sơn Tịnh

(Kèm theo Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Sơn Tịnh)

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Công điện số 15/CĐ-TTg ngày 20/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động ứng phó với xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu long và hạn hán, cháy rừng ở khu vực Nam Trung Bộ và Đông Trung Bộ.

- Căn cứ Công văn số 1643/BNNMT-TL ngày 23/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổ chức thực hiện Công điện số 15/CĐ-TTg ngày 20/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động ứng phó với xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu long và hạn hán, cháy rừng ở khu vực Nam Trung Bộ và Đông Trung Bộ.

- Căn cứ Công văn số 413/TL-VHTT ngày 24/02/2026 của Cục Quản lý và Xây dựng công trình thuỷ lợi về việc tổ chức thực hiện các giải pháp ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh khu vực Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Căn cứ Bản tin số 01/17h00/QNGA ngày 26/02/2026 của Đài Khí tượng Thuỷ văn tỉnh Quảng Ngãi nhận định khí hậu năm 2026.

- Căn cứ Phương án phòng, chống hạn của các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp.

2. Tình hình nguồn nước

2.1. Nhận định về tình hình khí tượng, thủy văn và nguồn nước trên sông, suối

Theo Bản tin số 01/17h00/QNGA ngày 26/02/2026 của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Ngãi, tình hình khí tượng, thủy văn năm 2026 được nhận định như sau:

- Về lượng mưa: Tổng lượng mưa năm 2026 có khả năng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN); riêng lượng mưa trong các tháng mùa khô (từ tháng 6 đến tháng 7) có khả năng cao hơn TBNN.

- Về nhiệt độ: Nền nhiệt độ trung bình năm 2026 có xu hướng cao hơn so với TBNN; trong đó, các tháng 3, 10 đến 12 ở mức xấp xỉ TBNN, còn từ tháng 4 đến tháng 10 cao hơn TBNN khoảng từ 1,0°C đến 1,5°C.

- Về nắng nóng: Nắng nóng có khả năng xuất hiện từ cuối tháng 4 và kéo dài đến giữa tháng 9; số ngày nắng nóng trong năm dự báo nhiều hơn so với TBNN, tập trung chủ yếu trong các tháng từ tháng 6 đến tháng 8.

2.2. Nguồn nước của các hồ chứa thủy lợi

- Các hồ chứa thủy lợi vừa và nhỏ trên địa bàn xã hiện có dung tích trữ trung bình đạt khoảng 80% so với dung tích thiết kế; riêng các hồ chứa quy mô nhỏ đạt từ 60% đến 70%.

- Tại thời điểm hiện nay, dung tích trữ nước của các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn xã đạt khoảng 50% đến 60% so với dung tích thiết kế.

Đánh giá chung: Nguồn nước tại các hồ chứa cơ bản đảm bảo phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân 2025 - 2026. Tuy nhiên, trong trường hợp nắng nóng kéo dài, gay gắt trên diện rộng, có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ vào cuối vụ Đông Xuân 2025 - 2026 và trong vụ Hè Thu năm 2026. Nguy cơ thiếu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt có thể xảy ra, đặc biệt tại các khu vực tưới cuối kênh và các vùng phụ thuộc vào hồ chứa, đập dâng quy mô nhỏ.

II. PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHỐNG HẠN: Diện tích tưới sản xuất nông nghiệp năm 2026 với tổng diện tích **954,97** ha, cụ thể như sau:

1. Vụ Đông Xuân 2025-2026

1.1. Diện tích được cấp nước tưới trên địa bàn xã: Tổng diện tích 954,97 ha (cây lúa 878,78ha, cây rau màu các loại 76,19 ha).

1.2. Nguồn nước tưới sản xuất nông nghiệp công trình chủ yếu

(Chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo)

1.3. Dân số, số lượng vật nuôi (trâu, bò, lợn) hiện có

- Tổng dân số 42.269 người

- Tổng số vật nuôi 21.749 con

(Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo)

1.4. Diện tích, dân số, vật nuôi (trâu, bò, lợn) có khả năng thiếu nước bị hạn

a. Diện tích: Tổng diện tích lúa có khả năng bị hạn vụ Đông Xuân 2025-2026 là **25,9** ha. Dự trù kinh phí chống hạn là 145.000.000 đồng.

b. Dân số, số lượng vật nuôi (trâu, bò, lợn): Tổng số người dự kiến thiếu nước sinh hoạt khoảng **533** người và vật nuôi có khả năng thiếu nước uống khoảng **357** con. Dự trù kinh phí chống hạn là 628.000.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 02, 03 kèm theo)

2. Vụ Hè Thu năm 2026

2.1. Diện tích được cấp nước tưới trên địa bàn xã: Tổng diện tích 954,97 ha (cây lúa 878,78 ha, cây rau màu các loại 76,19 ha).

2.2. Nguồn nước tưới sản xuất nông nghiệp công trình chủ yếu

(Chi tiết theo Phụ lục 04 kèm theo)

2.3. Dân số, số lượng vật nuôi (trâu, bò, lợn) dự kiến

- Tổng dân số 42.364 người.

- Tổng số vật nuôi 22.129 con**.**

(Chi tiết theo Phụ lục 06 kèm theo)

2.4. Diện tích, dân số, vật nuôi (trâu, bò, lợn) có khả năng thiếu nước bị hạn

a) Diện tích: Tổng diện tích cây lúa có khả năng bị hạn là 273,7 ha. Dự trù kinh phí chống hạn là 482.000.000 đồng.

b) Dân số, số lượng vật nuôi (trâu, bò, lợn): Tổng số người dự kiến thiếu nước sinh hoạt khoảng 970 người và vật nuôi có khả năng thiếu nước uống khoảng 600 con. Kinh phí chống hạn dự kiến là 1.124.000.000 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 05, 06 kèm theo)

III. GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG HẠN NĂM 2026

Nhằm chủ động ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước trên địa bàn, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tận dụng tối đa các nguồn nước hiện có (nước mặt, nước ngầm, nước hồi quy) để trữ nước vào ao, hồ, kênh mương, kênh tiêu,… phục vụ chống hạn kịp thời, hiệu quả. Tổ chức điều tiết, phân phối nước hợp lý, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm như tưới luân phiên, tưới ướt - ráo; ưu tiên cấp nước cho vùng xa trước, vùng gần sau, đảm bảo phù hợp với nhu cầu và từng giai đoạn sinh trưởng của cây trồng.

- Ưu tiên cấp nước phục vụ sinh hoạt của Nhân dân, nước uống cho gia súc, sau đó đến sản xuất nông nghiệp tại các vùng trọng điểm; đảm bảo hài hòa giữa các nhu cầu sử dụng nước.

1. Giải pháp phi công trình

- Ngay từ đầu vụ Đông Xuân 2025 - 2026, các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp, Chi nhánh Quản lý thủy nông số 2 xây dựng kế hoạch sử dụng nước chi tiết, phù hợp với tình hình nguồn nước thực tế để tổ chức vận hành, điều tiết đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Rà soát cụ thể các vùng tưới của từng hồ chứa, đặc biệt là các hồ có dung tích trữ thấp (như hồ Đá Chồng,…) để xây dựng phương án phòng, chống hạn phù hợp; đồng thời triển khai các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, tình hình nắng nóng, hạn hán và diện tích có nguy cơ thiếu nước để chủ động triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời.

- Thường xuyên kiểm kê, đánh giá nguồn nước trong các công trình thủy lợi; thực hiện quản lý, phân phối nước hợp lý, ưu tiên cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao ý thức chủ động phòng, chống hạn; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có giải pháp chống hạn hiệu quả.

2. Giải pháp công trình

2.1. Đối với những vùng thường xuyên thiếu nước sinh hoạt và vật nuôi

- Đầu tư kéo dài hệ thống đường ống cấp nước; khoan giếng khai thác nước tầng sâu, từng bước thay thế nguồn nước tầng nông tại các khu vực bị cạn kiệt.

- Tổ chức cung cấp nước bằng phương tiện lưu động cho các khu vực không có nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt.

- Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cấp và trữ nước như bồn chứa nước, máy lọc nước hộ gia đình… cho các hộ dân tại khu vực bị ảnh hưởng nhưng chưa có điều kiện tiếp cận công trình cấp nước tập trung.

2.2. Đối với những vùng sản xuất thường xuyên bị hạn hán

- Đối với diện tích sản xuất phụ thuộc vào nguồn nước hồ chứa, ao nhỏ không đảm bảo: Tổ chức khơi thông kênh mương, kết nối, tiếp nước từ hệ thống thủy lợi Thạch Nham.

- Đối với các hồ chứa đã xuống dưới mực nước chết: Tổ chức bơm tận dụng nguồn nước còn lại để duy trì tưới tối thiểu.

- Lắp đặt trạm bơm điện, khoan giếng bổ sung nguồn nước tại khu vực tưới nhằm chống hạn, duy trì sản xuất.

- Tổ chức nạo vét các hồ chứa nhỏ, kênh mương nội đồng nhằm tăng khả năng trữ và dẫn nước.

- Xây dựng các đập tạm, đập bồi trên sông, suối để ngăn giữ nước, tạo nguồn tưới.

- Thực hiện nạo vét, sửa chữa hệ thống kênh mương; đóng kín các cửa cống, phai tràn, cống xả nhằm hạn chế thất thoát, rò rỉ nước.

- Tận dụng tối đa nguồn nước tại các ao, đầm, kênh chìm; kết hợp đắp bờ bao, đập tạm để phục vụ bơm tưới.

- Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và bổ sung thiết bị cơ khí, máy bơm, hệ thống ống dẫn; chuẩn bị sẵn sàng phương án bơm nước từ sông, suối, ao, giếng và nguồn nước chết trong hồ để kịp thời ứng phó khi xảy ra hạn hán.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, sửa chữa các công trình thủy lợi nhằm sớm đưa vào khai thác, phục vụ sản xuất năm 2026 và các năm tiếp theo (nếu có).

3. Dự trù kinh phí

3.1. Cơ sở xây dựng

- Chi phí cho máy móc, nhân công thực hiện nạo vét cửa lấy nước, hệ thống kênh trục chính, kênh nội đồng; sửa chữa công trình đầu mối; lắp đặt trạm bơm dã chiến phục vụ chống hạn.

- Chi phí nhiên liệu (xăng, dầu) và điện năng phục vụ vận hành các công trình, thiết bị chống hạn vượt kế hoạch.

- Chi phí sửa chữa, mua sắm thiết bị và xây dựng các công trình tạm phục vụ chống hạn như: động cơ diesel, hệ thống ống dẫn, đào ao, khoan giếng, khơi thông dòng chảy, đắp bờ bao…

- Chi phí khắc phục tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho người và gia súc, bao gồm vận chuyển nước, mua sắm thiết bị bơm nước và các nhu cầu thiết yếu khác.

3.2. Kinh phí và nguồn kinh phí

- Tổng nhu cầu kinh phí phục vụ phòng, chống hạn trong năm 2026 khoảng 2.379.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng)*, trong đó:

+ Chi phí ca máy, nhân công lao động tham gia nạo vét cửa lấy nước, hệ thống kênh trục dẫn nước; sửa chữa công trình đầu mối, lắp đặt trạm bơm dã chiến, nạo vét kênh mương nội đồng, nhiên liệu (xăng, dầu), tiêu thụ điện năng, sửa chữa, mua sắm thiết bị; xây dựng công trình tạm, các loại ống dẫn, đào ao, đóng giếng, khơi thông dòng chảy, đắp bờ bao, làm công trình tạm... tổng kinh phí khoảng 627.000.000 đồng.

+ Chi phí khắc phục thiếu nước sinh hoạt cho người và gia súc, như: Vận chuyển nước, mua sắm thiết bị bơm nước... tổng kinh phí khoảng 1.752.000.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 02, 03, 05, 06 kèm theo)

- Nguồn kinh phí phòng, chống hạn:

+ Đề nghị ngân sách tỉnh, Trung ương hỗ trợ (80%): 1.903.200.000 đồng.

+ Nguồn lực của địa phương: Từ nguồn dự phòng ngân sách xã, giá sản phẩm dịch vụ thuỷ lợi và các nguồn hợp pháp khác (20%): 475.800.000 đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã

- Tham mưu, giúp UBND xã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Phương án phòng, chống hạn năm 2026 trên địa bàn xã.

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp và Trưởng thôn thực hiện nhiệm vụ theo phân công; phân công cụ thể trách nhiệm cho từng thành viên Ban Chỉ huy theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách nhằm đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành hiệu quả.

2. Phòng Kinh tế xã

- Chủ trì, phối hợp tham mưu UBND xã và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã triển khai thực hiện hiệu quả Phương án phòng, chống hạn, đảm bảo nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và chăn nuôi trên địa bàn.

- Hướng dẫn các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp, Chi nhánh Quản lý thủy nông số 2 xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng, chống hạn; phối hợp các địa phương, đơn vị quản lý, sử dụng nguồn nước hợp lý, hạn chế thiệt hại do hạn hán.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình hạn hán; kịp thời tham mưu UBND xã, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã các giải pháp ứng phó phù hợp.

- Tham mưu UBND xã bố trí nguồn kinh phí dự phòng ngân sách theo quy định để triển khai thực hiện Phương án.

3. Đề nghị Chi nhánh Quản lý thủy nông số 2

- Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, nguồn nước; tổ chức điều tiết nước hợp lý, đảm bảo phục vụ sản xuất và chống hạn.

- Chỉ đạo các cụm thủy nông phối hợp với địa phương cân đối nguồn nước, triển khai phương án phòng, chống hạn trên địa bàn được giao.

- Tổ chức duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương nhằm đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và chăn nuôi.

- Chủ động sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện công tác phòng, chống hạn, đảm bảo cấp nước kịp thời, hiệu quả.

4. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình hạn hán và các biện pháp phòng, chống hạn để Nhân dân biết, chủ động thực hiện.

5. Các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn xã

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Phương án phòng, chống hạn phù hợp với điều kiện thực tế từng thôn, xóm; chủ động ứng phó, không trông chờ, ỷ lại vào cấp trên.

- Rà soát, củng cố và thành lập các tổ, đội dẫn nước, tổ hợp tác dùng nước nhằm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi hiệu quả.

- Lập kế hoạch duy tu, sửa chữa hồ chứa, đập dâng nhằm phục vụ trước mắt và lâu dài cho công tác chống hạn.

- Thành lập lực lượng xung kích, chuẩn bị đầy đủ vật tư, phương tiện sẵn sàng ứng phó khi xảy ra hạn hán.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân áp dụng các biện pháp canh tác và sử dụng nước tiết kiệm.

- Huy động lực lượng tại chỗ thực hiện nạo vét kênh mương, đào ao, vét giếng, vận chuyển nước sinh hoạt khi xảy ra hạn hán.

- Đối với các vùng thường xuyên thiếu nước, xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp; vận động Nhân dân chủ động dự trữ nước sinh hoạt.

- Chủ động sử dụng kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện công tác phòng, chống hạn.

- Thực hiện chế độ báo cáo kịp thời về tình hình nguồn nước, hạn hán và công tác chống hạn về UBND xã (qua Phòng Kinh tế xã) để tổng hợp, chỉ đạo.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Hội, đoàn thể xã

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực, chủ động tham gia thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn trên địa bàn.

V. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan quan tâm hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác phòng, chống hạn phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2026 trên địa bàn xã; đồng thời, khi xảy ra hạn hán, kịp thời hỗ trợ kinh phí và đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi phục vụ chống hạn lâu dài, kết hợp phòng, chống lũ lụt.

Trên đây là Phương án phòng, chống hạn đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt năm 2026 trên địa bàn xã Sơn Tịnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND xã (qua Phòng Kinh tế xã) để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo giải quyết./.